

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2021.

V/v xin ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương.

2. Ông Trần Đại Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 293/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXX-ST ngày 07 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Mai Thanh B, sinh năm 1982.

Trú tại: ấp Hưng Thạnh, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Chỗ ở hiện nay: ấp Xẻo Gừa, xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Tú, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thúy D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp Hưng Thạnh, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

1/ Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 60B Cách Mạng Tháng 8, khu vực 6, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2/ Bà Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 53/3 phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (có mặt).

3/ Bà Võ Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: số 13 đường số 05, khu vực Bình Phố A1, phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (có mặt).

4/ Bà Võ Thị H, (Bé H) sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp Nhơn Bình, xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ (có mặt).

5/ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Trụ sở: số 02 Láng hạ, Ba Đình, Hà Nội.

Đơn vị ủy quyền: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: ấp Thị Trấn, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Địa diện tham gia tố tụng: Ông Trần Chí Đ, sinh năm 1993 – Nhân viên phòng KHKD (kiêm cán bộ pháp chế) Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Mai Thanh B trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn kết hôn năm 2007 có làm lễ cưới theo truyền thống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, hôn nhân là do nguyên đơn và bị đơn quen biết tự nguyện tiến tới hôn nhân. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong tính tình, cách sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có hai con chung cháu Mai Thanh S, sinh năm 2009 và cháu Mai Thanh T, sinh năm 2015. Yêu cầu cho nguyên đơn nuôi dưỡng cháu Mai Thanh S và bị đơn nuôi dưỡng cháu Mai Thanh T, sinh năm 2015. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có tạo lập được một phần đất có diện tích 6.185.2m² thửa đất số 124, tờ bản đồ số 08 vị trí đất tại ấp Khánh Hội A, xã Phú An (nay là ấp Khánh Hội thị trấn Ngã Sáu), huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số CH977628/CS00878 cấp ngày 30/6/2017 cho bị đơn đứng tên. Nguyên đơn yêu cầu chia đôi số tài sản chung này với bị đơn.

Nguyên đơn và bị đơn cũng có thiếu các khoản nợ sau; thiếu bà Võ Thị H 01 cây vàng 24k và 10.000.000 đồng, thiếu bà Nguyễn Thị Lệ H 280.000.000 đồng, thiếu bà Võ Thị H 170.000.000 đồng, thiếu bà Nguyễn Hoàng Q 140.000.000 đồng. Thiếu Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang 250.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu chia đôi phần nợ này với bị đơn.

Bị đơn Nguyễn Thúy D trình bày: Bị đơn và nguyên đơn tự nguyện tới hôn nhân vào năm 2007 có làm lễ cưới theo truyền thống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mâu thuẫn vợ chồng do nguyên đơn và bị đơn không còn phù hợp với nhau, làm ăn thua lỗ nên phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

Thời gian chung sống bị đơn và nguyên đơn có hai con chung. Bị đơn đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn là để nguyên đơn nuôi dưỡng cháu Mai Thanh S, sinh năm 2009 và bị đơn nuôi dưỡng cháu Mai Thanh T sinh năm 2015, bị đơn yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung có tạo lập được phần đất như nguyên đơn trình bày, bị đơn đồng ý chia phần đất này nhưng chia làm bốn phần cho hai người con mỗi người con một phần. về nợ chung có thiếu bà Võ Thị H 01 cây vàng và 10.000.000 đồng, thiếu bà Võ Thị H 170.000.000 đồng, thiếu bà Nguyễn Hoàng Q 90.000.000 đồng, thiếu bà Nguyễn Thị Lệ H 230.000.000 đồng, thiếu Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang 250.000.000 đồng. Bị đơn đồng ý chia đôi số nợ này với nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày: Có cho nguyên đơn và bị đơn vay tiền vay nhiều lần đến ngày 10/8/2019 kết nợ lại là 230.000.000 đồng. Khi cho vay không có làm biên nhận, nhưng khi chốt nợ có làm biên nhận chỉ có nguyên đơn ký tên, bị đơn không có ký tên. Yêu cầu nguyên đơn và bị đơn có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thị Lệ H số tiền 230.000.000 đồng và trả lãi là 10% trên năm trên tổng số tiền vay từ ngày 10/8/2019 đến thời điểm xét xử.

Bà Nguyễn Hoàng Q trình bày: Có cho nguyên đơn và bị đơn vay nhiều lần đến ngày 10/5/2019 kết nợ lại nguyên đơn và bị đơn còn nợ bà Nguyễn Hoàng Q số tiền 140.000.000 đồng. Khi cho vay không có làm biên nhận. Yêu cầu nguyên đơn và bị đơn có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Hoàng Q số tiền 140.000.000 đồng và trả lãi là 10% trên năm trên tổng số tiền vay từ ngày 10/5/2019 đến thời điểm xét xử.

Bà Võ Thị H trình bày: Vào ngày 30/8/2019 âm lịch có cho nguyên đơn và bị đơn vay 01 lượng vàng 24k và 10.000.000 đồng. Khi cho vay không có biên nhận nợ. Yêu cầu nguyên đơn và bị đơn có nghĩa vụ trả cho Võ Thị H số tiền 10.000.000 đồng và 01 lượng vàng 24k, không yêu cầu tính lãi.

Bà Võ Thị H trình bày: Có cho nguyên đơn và bị đơn vay nhiều lần, không nhớ ngày tháng năm nào, nhưng tổng thành tiền 170.000.000 đồng. Khi cho vay không có làm biên nhận. Yêu cầu nguyên đơn và bị đơn có nghĩa vụ trả cho Võ Thị H số tiền 170.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang trình bày: Vào ngày 25/02/2020 Ngân hàng có cho nguyên đơn và bị đơn vay số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất 9.5%/năm, lãi quá hạn 150%, thời hạn vay 12 tháng. Khi vay nguyên đơn và bị đơn có thể chấp quyền sử dụng đất số CH977628/CS00878 cấp ngày 30/6/2017 cho bị đơn đứng tên để đảm bảo tiền vay. Ngân hàng không yêu cầu nguyên đơn và bị đơn phải trả nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của nguyên đơn và bị đơn, ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con chung, nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Thanh T và bị đơn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Thanh S. Về cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét, việc bị đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn tại phiên tòa bị đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cháu Mai Thanh T mỗi tháng 745.000 đồng đến khi cháu Mai Thanh T tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án. Về tài sản chung phần đất có diện tích 6.185.2m² thửa đất số 124, tờ bản đồ số 08 vị trí đất tại ấp Khánh Hội A, xã Phú An (nay là ấp Khánh Hội, thị trấn Ngã Sáu), huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH977628/CS00878 cấp ngày 30/6/2017 cho bị đơn đứng tên đang thế chấp để bảo đảm tiền vay tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang do Ngân hàng không yêu cầu nguyên đơn và bị đơn trả nợ cùng trong vụ án này nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn đối với phần đất nêu trên và phần nợ Ngân hàng 250.000.000 đồng và tách thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu. Về

phần nợ buộc nguyên đơn và bị đơn mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị H 05 chỉ vàng 23k và 5.000.000 đồng không tính lãi. Phần nợ bà Võ Thị H buộc nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải trả 85.000.000 đồng cho bà Võ Thị H không tính lãi. Phần nợ của bà Nguyễn Hoàng Q buộc nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải trả 70.000.000 đồng cho bà Nguyễn Hoàng Q không tính lãi. Phần lãi của bà Nguyễn Thị Lệ H buộc nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải trả 115.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Lệ H không tính lãi. Về nợ cho vay không có không yêu cầu giải quyết. Về án phí chi phí tố tụng đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với bị đơn và bị đơn hiện đang cư trú tại ấp Hưng Thạnh, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án về việc xin ly hôn, nuôi con, tranh chấp tài sản khi ly hôn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2007 có tổ chức lễ cưới theo truyền thống và có đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống về tính cách và cách sống, sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay, vợ chồng tự ai nấy sống. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên hòa giải tại Tòa án nguyên đơn và bị đơn thống nhất thuận tình ly hôn nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc ghi nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự và cũng theo nguyện vọng của cháu, nguyên đơn được nuôi dưỡng cháu Mai Thanh S, sinh năm 2009, về cấp dưỡng bị đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu Mai Thanh S. Bị đơn được nuôi dưỡng cháu Mai Thanh T, sinh năm 2015, về cấp dưỡng

nuôi con bị đơn yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi theo quy định của pháp luật, tại phiên Tòa hôm nay bị đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung cháu Mai Thanh T mỗi tháng 745.000 đồng/tháng đến khi cháu Mai Thanh T tròn 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày tuyên án.

[4] Về tài sản chung quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có tạo lập được tài sản là phần đất diện tích 6.185.2m² thửa đất số 124, tờ bản đồ số 08 vị trí đất tại ấp Khánh Hội A, xã Phú An (nay là ấp Khánh Hội, thị trấn Ngã Sáu), huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH977628/CS00878 cấp ngày 30/6/2017 cho bị đơn đứng tên. Nguyên đơn yêu cầu chia đôi số tài sản chung này với bị đơn. Bị đơn không đồng ý chia đôi yêu cầu chia làm bốn phần cho nguyên đơn và bị đơn. Bị đơn yêu cầu chia phần đất nêu trên làm bốn phần là chưa phù hợp theo Điều 59 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Tại phiên Tòa hôm nay bị đơn không đồng ý chia phần đất, bị đơn cho rằng đây là tài sản riêng của bị đơn. Nhưng xét về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thời điểm cấp giấy không có thỏa thuận đây là tài sản riêng của bị đơn. Hơn nữa phần đất này là của nguyên đơn chuyển nhượng lại cho bị đơn, và tài sản này là tài sản phát sinh sau hôn nhân. Bị đơn cho rằng đây là tài sản riêng của bị đơn là chưa phù hợp với khoản 3 Điều 33, khoản 2 Điều 34 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử xác định đây là tài sản chung giữa nguyên đơn và bị đơn. Xét phần tài sản chung này đang thế chấp cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Hợp đồng số 704-LCP-201700203/HĐTC ngày 18/7/2017 để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 7004-LAV-202000691 ngày 25/02/2020. Xét hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/7/2017. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho Ngân hàng tham gia tố tụng đồng thời có yêu cầu gì đối với khoản vay của nguyên đơn và bị đơn. Nhưng Ngân hàng không có yêu cầu đối với khoản vay của nguyên đơn và bị đơn. Vì đây là tài sản đảm bảo cho khoản vay nợ tại Ngân hàng nên yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn không được xem xét giải quyết trong vụ kiện này, vì Ngân hàng không có yêu cầu nguyên đơn và bị đơn trả nợ. Nguyên đơn có yêu cầu chia tài sản sẽ được xem xét khi Ngân hàng có yêu cầu nguyên đơn hoặc bị đơn trả nợ hoặc nguyên đơn và bị đơn đã trả hết nợ cho Ngân hàng và có yêu cầu chia tài sản chung. Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn, tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu và chứng cứ chứng minh.

[5] Về nợ chung đối với khoản nợ của bà Võ Thị H là 01 cây vàng 24k và 10.000.000 đồng tiền vay bà Võ Thị H không yêu cầu tính lãi, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận số nợ này và đồng ý trả. Như vậy nguyên đơn có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị H 05 (năm) chỉ vàng 24k và 5.000.000 đồng. Bị đơn có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị H 05 (năm) chỉ vàng 24k và 5.000.000 đồng.

Đối với khoản nợ của bà Võ Thị H là 170.000.000 đồng bà Võ Thị H không yêu cầu tính lãi nguyên đơn và bị đơn thừa nhận số nợ này và đồng ý trả. Như vậy nguyên đơn có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị H 85.000.000 đồng. Bị đơn có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị H 85.000.000 đồng.

Đối với khoản vay của bà Nguyễn Hoàng Q, khai cho nguyên đơn và bị đơn vay 140.000.000 đồng khi cho vay không có làm biên nhận, không có ai làm chứng. Nguyên đơn thừa nhận có thiếu bà Nguyễn Hoàng Q 140.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận thiếu 90.000.000 đồng, phần tiền chênh lệch giữa lời khai của bà Nguyễn Hoàng Q, nguyên đơn và bị đơn là 50.000.000 đồng. Mặc dù bị đơn không thừa nhận nợ 140.000.000 đồng, nhưng bị đơn thừa nhận biết là có vay để cất, sửa nhà, nhưng không biết cụ thể như thế nào, phần nợ này chỉ nghe nguyên đơn nói nhưng bị đơn không hỏi đến phần nợ này. Hiện căn nhà đã bán và phần tiền đã trả nợ chung của nguyên đơn và bị đơn và chi sài hết, phần tiền này bị đơn không thừa nhận nhưng bị đơn thừa nhận có vay để cất nhà và nhà đã bán trả nợ chung và chi sài chung. Nên có đủ cơ sở xác định đây là nợ chung của nguyên đơn và bị đơn và khoản nợ là 140.000.000 đồng. Về lãi suất bà Nguyễn Hoàng Q tại phiên tòa bà yêu cầu nguyên đơn và bị đơn trả lãi từ ngày 10/5/2019 đến thời điểm xét xử mức lãi suất tính theo quy định của pháp luật, nhưng đơn yêu cầu của bà Nguyễn Hoàng Q không yêu cầu tính lãi, nên yêu cầu tính lãi của bà Nguyễn Hoàng Q là vượt quá phạm vi yêu cầu. Tại phiên tòa bà Nguyễn Hoàng Q không yêu cầu tính lãi yêu cầu nguyên đơn và bị đơn trả vốn vay 140.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở buộc nguyên đơn có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Hoàng Q 70.000.000 đồng. Bị đơn có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Hoàng Q 70.000.000 đồng.

Đối với khoản nợ của bà Nguyễn Thị Lệ H, nguyên đơn khai thiếu nợ bà Nguyễn Thị Lệ H 280.000.000 đồng, bị đơn khai thiếu bà Nguyễn Thị Lệ H 230.000.000 đồng, đồng thời bà Nguyễn Thị Lệ H xác định nguyên đơn và bị đơn thiếu nợ 230.000.000 đồng, khi cho vay không có làm biên nhận, không có ai làm chứng. Bà Nguyễn Thị Lệ H yêu cầu nguyên đơn và bị đơn phải trả cho số tiền 230.000.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Lệ H khai cho bị đơn và nguyên đơn vay 280.000.000 đồng, trong đó là 230.000.000 đồng là phần vốn và phần lãi 50.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Lệ H khi cho vay

không có biên nhận để đối chiếu dựa vào sự thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn, và cũng không chứng minh được việc tính lãi như thế nào mà được 50.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Lệ H yêu cầu trả vốn 230.000.000 đồng và tính lãi mức tính lãi theo quy định của pháp luật thời gian tính từ ngày 10/8/2019 đến thời điểm xét xử, nhưng tại đơn yêu cầu bà không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Lệ H 115.000.000 đồng, và bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Lệ H 115.000.000 đồng.

Về nợ cho vay không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng:* Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 55, 81, 82, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Mai Thanh B và bị đơn Nguyễn Thúy D thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung Mai Thanh B được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Thanh S, giới tính: Nam, sinh ngày 07/7/2009. Nguyễn Thúy D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Thanh T, giới tính: Nam, sinh ngày 24/5/2015. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Mai Thanh B có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) cho cháu Mai Thanh T cho đến khi cháu tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thúy D chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích, của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung phần đất diện tích 6.185.2m² thửa đất số 124, tờ bản đồ số 08 vị trí đất tại ấp Khánh Hội A, xã Phú An (nay là ấp Khánh Hội, thị trấn Ngã Sáu), huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH977628/CS00878 cấp ngày 30/6/2017 cho Nguyễn Thúy Diễm và phần nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang số tiền 250.000.000 đồng. Hội đồng xét xử không xem xét, tách ra thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

1.4. Về nợ chung chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Võ Thị H, Võ Thị H, Nguyễn Hoàng Q, Nguyễn Thị Lệ H.

Buộc nguyên đơn Mai Thanh B có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị H 05 (năm) chỉ vàng 24k và 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), trả cho bà Võ Thị H 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng), trả cho bà Nguyễn Hoàng Q 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), trả cho bà Nguyễn Thị Lệ H 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng).

Buộc bị đơn Nguyễn Thúy D có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị H 05 (năm) chỉ vàng 24k và 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), trả cho bà Võ Thị H 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng), trả cho bà Nguyễn Hoàng Q 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), trả cho bà Nguyễn Thị Lệ H 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng).

1.5. Về nợ cho vay chưa xem xét giải quyết.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Mai Thanh B tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, nguyên đơn được nhận lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0004364 ngày 23/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Về án phí chia tài sản nguyên đơn phải chịu 15.008.000 đồng (mười lăm triệu không trăm lẻ tám ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 29.718.000 đồng (hai mươi chín triệu bảy trăm mười tám ngàn đồng). Nguyên đơn được nhận lại 14.710.000 đồng (mười bốn triệu bảy trăm mười ngàn đồng) theo biên lai số 0004365 ngày 23/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn phải chịu án phí chia tài sản 15.008.000 đồng (mười lăm triệu không trăm lẻ tám ngàn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Trả cho bà Nguyễn Thị Lệ H số tiền tạm ứng án phí 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007781 ngày 28/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Trả cho bà Nguyễn Hoàng Q số tiền tạm ứng án phí 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007779 ngày 28/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Trả cho bà Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí 4.250.000 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007780 ngày 28/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Trả cho bà Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí 1.625.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007778 ngày 28/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Về chi phí thẩm định và định giá tài sản nguyên đơn phải chịu 5.203.500 đồng khấu trừ vào số tiền tạm ứng nguyên đơn đã nộp 15.000.000 đồng, nguyên đơn được nhận lại 4.593.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Bị đơn phải chịu 5.203.500 đồng, nguyên đơn được nhận lại 5.203.500 đồng sau khi bị đơn nộp chi phí thẩm định và định giá tài sản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- UBND xã đã đăng ký kết hôn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhân